

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25/3/2019

“V/v Ly hôn và Tranh chấp nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Diệu Trang

2. Ông Nguyễn Hữu Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Tính – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 và ngày 25 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 493/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018, về vụ “Ly hôn và Tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Kiều L, sinh năm 1982

Trú tại: ấp GB, xã HH, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1974

Trú tại: ấp GB, xã HH, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Con chung của chị L và anh U:

1. Nguyễn Thị Khã M, sinh ngày 28/10/2002

2. Nguyễn Thị Cẩm L, sinh ngày 02/01/2008

Đồng trú tại: ấp GB, xã HH, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/9/2018, bản khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Huỳnh Thị Kiều L trình bày: Chị với anh Nguyễn Văn U do được

mai mối và quyết định tiến đến hôn nhân được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HH ngày 03/12/2002. Nữ trang ngày cưới gia đình anh U tặng chị tổng cộng 05 chỉ vàng 24Kra gồm đôi bông tai 01 chỉ, dây chuyền 02 chỉ, lắc đeo tay 02 chỉ, hiện số nữ trang này không còn do vợ chồng đã thống nhất bán hết để lấy vốn làm ăn. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh U tính tình thay đổi, hay ghen, dùng vũ lực với chị nhiều lần và chị cũng tha thứ để vợ chồng hàn gắn nhưng anh U không thay đổi nên từ tháng 9/2018 chị và 02 người con về nhà mẹ ruột chị sống, vợ chồng ly thân không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị L nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh U nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn U.

Về con chung: Hai người tên Nguyễn Thị Khã M, sinh ngày 28/10/2002 và Nguyễn Thị Cẩm L, sinh ngày 02/01/2008. Khi ly hôn, chị L yêu cầu xem xét theo nguyện vọng của các con, nếu con muốn sống chung với chị thì đồng ý nuôi, nếu con muốn sống chung với anh U thì chị đồng ý giao con cho anh U nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con chị chưa đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Trước đây vợ chồng có vay Ngân hàng N số tiền 50.000.000 đồng, nhưng đã trả xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn U trình bày: Qua lời trình bày của vợ anh là Huỳnh Thị Kiều L về việc kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, về con chung, về tài sản chung là đúng, anh không bổ sung gì thêm. Nhưng hiện tại vợ chồng còn nợ chị Lê Thanh T cư ngụ ấp GB, xã HH, huyện C tiền mua thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi và một bao gạo là 5.890.000 đồng. Nay Anh đã nhận thấy lỗi của anh với vợ và hứa sửa đổi vì anh còn thương vợ thương con, anh mong muốn được đoàn tụ lại với chị L. Nhưng nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị L ly hôn thì việc nuôi con anh thống nhất theo nguyện vọng của các con, nếu các con muốn sống chung với anh thì anh nhận nuôi và chưa yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, nếu các con muốn sống chung với chị L thì anh cũng đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng hỗ trợ chị L nuôi mỗi người con mỗi tháng bằng 695.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung anh không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Về khoản nợ của chị T anh nhận trách nhiệm trả.

Tại bản khai và tại phiên tòa cháu Nguyễn Thị Khã M và Nguyễn Thị Cẩm L trình bày: Các cháu là con ruột của chị Huỳnh Thị Kiều L và anh Nguyễn Văn U, hiện cháu Khã M học lớp 11 còn cháu Cẩm L học lớp 5. Nếu chị L và anh U không tiếp tục duy trì hôn nhân các cháu có nguyện vọng được sống chung với chị L.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Càng Long:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, trình tự khi thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát, đã thu thập chứng cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị L. Cho chị L được ly hôn với anh U; Về con chung giao cho chị L tiếp tục nuôi theo nguyện vọng của con. Do tại phiên tòa anh U tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi người là 695.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị L cũng đồng ý với ý kiến của anh U nên ghi nhận ý kiến của anh U về cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi người là 695.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung chị L và anh U không đặt giải quyết đề nghị không xét. Về nợ chung tại phiên tòa anh U khai còn nợ chị T 5.890.000 đồng nhưng anh U nhận trách nhiệm trả đề nghị ghi nhận ý kiến của anh U; Về án phí buộc các đương sự phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Chị Huỳnh Thị Kiều L khởi kiện yêu cầu được ly hôn và giải quyết việc nuôi con với anh Nguyễn Văn U có nơi cư trú tại ấp GB, xã HH, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “Ly hôn và Tranh chấp nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

[2]. *Về hôn nhân:* Chị Huỳnh Thị Kiều L và anh Nguyễn Văn U tự nguyện kết hôn vào năm 2002, hôn nhân của chị L và anh U được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã HH, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 94, quyền số 01 vào ngày 03 tháng 12 năm 2002. Do đó, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định hôn nhân của chị L và anh U là hợp pháp. Chị Huỳnh Thị Kiều L và anh Nguyễn Văn U chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau, anh U thường xuyên uống rượu và nhiều lần dùng vũ lực đánh chị L, chính quyền địa phương đã can thiệp, giáo dục, chị L cũng tha thứ cho anh U để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh không thay đổi nên từ tháng 9/2018 chị L và hai người con về nhà mẹ ruột chị sống, vợ chồng ly thân không còn quan tâm gì đến nhau. Điều này chứng tỏ hôn nhân của chị L và anh U đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nữa nên yêu cầu xin ly hôn của chị L là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. *Về con chung:* Chị L và anh U có hai người con chung tên Nguyễn Thị

Khã M, sinh ngày 28/10/2002 và Nguyễn Thị Cẩm L, sinh ngày 02/01/2008 hiện đang sống với chị L. Chị L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con. Xét cháu Khã M và Cẩm L có nguyện vọng được sống chung với chị L sau khi chị L và anh U ly hôn. Hiện chị L có công việc và thu nhập ổn định, cháu Khã M và Cẩm L được chăm sóc chu đáo và được đi học. Anh U cũng thống nhất với nguyện vọng của các con nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị L ly hôn nên việc giao con chung Nguyễn Thị Khã M và Nguyễn Thị Cẩm L cho chị Huỳnh Thị Kiều L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, anh U tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi người con bằng 695.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị Loan đồng ý sự tự nguyện này của anh U nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về tài sản chung: Chị L và anh U không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về nợ chung: Tại phiên tòa, anh U khai hiện vợ chồng còn nợ chị Lê Thanh T cư ngụ tại ấp GB, xã HH, huyện C, tỉnh Trà Vinh 5.890.000 đồng và anh nhận trách nhiệm trả cho chị T số tiền này, chị L cũng xác nhận còn nợ chị T số tiền 5.890.000 đồng như anh U khai. Tuy nhiên, qua làm việc với chị Lê Thanh T, chị T thống nhất việc anh U nhận trách nhiệm trả số tiền còn nợ là 5.890.000 đồng cho chị. Do chị Lê Thanh T có đơn không khởi kiện và từ chối tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Chị L là nguyên đơn khởi kiện nên có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân sơ thẩm và anh U phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Kiều L.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Kiều L được ly hôn anh Nguyễn Văn U.

Về con chung: Chị Huỳnh Thị Kiều L được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị Khã M, sinh ngày 28/10/2002 và Nguyễn Thị Cẩm L, sinh ngày 02/01/2008. Anh Nguyễn Văn U tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thị Khã M và Nguyễn Thị Cẩm L mỗi người bằng 695.000 đồng (Sáu trăm, chín mươi lăm, nghìn đồng)/tháng và cấp cho đến khi con đã thành

niên (đủ 18 tuổi).

Khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con khi cần thiết và có yêu cầu của các bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Loan và anh Út không đặt ra yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Chị Lê Thanh T có đơn không khởi kiện số tiền nợ anh U nhận trách nhiệm trả là 5.890.000 đồng và chị từ chối tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Chị Huỳnh Thị Kiều L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được miễn trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0018590 ngày 28/11/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu, chị L đã nộp đủ tiền án phí. Anh Nguyễn Văn U phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- UBND xã HH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trang

